

Bản án số: 03/2021/KDTM-ST
Ngày 11-6-2021
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Toàn

Ông Bùi Văn Khương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Trung - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2020/TLST-KDTM ngày 25 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-KDTM ngày 12 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-KDTM ngày 12 tháng 4 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐST-KDTM ngày 11 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần DN (viết tắt là Ngân hàng DN); địa chỉ trụ sở chính: Tháp DN, Số 35 A, phường B, quận C, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông D - chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng DN - Chi nhánh Đông Hải Phòng; là người đại diện theo ủy quyền (theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng, phá sản và thi hành án dân sự số 804/QĐ-DN ngày 22/8/2019 của ông E - Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật Ngân hàng DN và Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng, phá sản và thi hành án dân sự tại Chi nhánh số 539/QĐ-DN.ĐHP ngày 30/12/2019 của ông F - Giám đốc Ngân hàng DN - Chi nhánh Đông Hải Phòng); có mặt.

2. *Bị đơn*: Công ty Trách nhiệm hữu hạn TP; địa chỉ trụ sở: Số 2/6 G, phường H, quận I, thành phố Hải Phòng.

- *Người đại diện hợp pháp của bị đơn*: Ông J - Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn TP; là người đại diện theo pháp luật của bị đơn; có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Bà NLQ1, sinh năm 1968; nơi cư trú: Số 6 G, phường H, quận I, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bà NLQ2, sinh năm 1979; nơi cư trú: K, phường L, quận M, thành phố Hải Phòng; vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 10 năm 2020, bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần DN (sau đây viết tắt là Ngân hàng DN) với Công ty Trách nhiệm hữu hạn TP (sau đây viết tắt là Công ty TP) do người đại diện theo pháp luật là ông J - Giám đốc đã thỏa thuận và ký Hợp đồng tín dụng như sau:

Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2018/1672747/HĐTD ngày 25 tháng 9 năm 2018 và các giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể đính kèm, số tiền vay tối đa là 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng chẵn); mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C; thời hạn vay theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể; phương thức cho vay: cho vay từng lần; kỳ hạn trả nợ gốc: kỳ trả lãi cuối cùng kỳ hạn trả gốc; kỳ hạn trả nợ lãi: trả vào ngày 26 hàng tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất trong hạn: Áp dụng lãi suất thỏa thuận 7,5%/năm và cố định trong thời gian hiệu lực của hợp đồng; Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có. Lãi suất phạt chậm trả lãi: bằng 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Ngoài ra Hợp đồng tín dụng được các bên thỏa thuận các nội dung liên quan đến quan hệ tín dụng, quyền và nghĩa vụ của các bên.

Để đảm bảo cho khoản vay, ông J đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/1672747/HĐBĐ ngày 22/9/2015 thế chấp các tài sản là:

Xe ô tô 7 chỗ hiệu TOYOTA FORTUNER, BKS: 15A-160.69, số khung: 59G199002930; số máy 2TR6818936 theo đăng ký xe ô tô số 007451 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 24/12/2014 cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn TP.

Xe ô tô Sitec hiệu DONGFENG, BKS: 15C-16651, số khung: K4X781083273, số máy: 602069916831, theo đăng ký xe ô tô số 019032 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 20/8/2015 cho Công

ty Trách nhiệm hữu hạn TP.

Bà NLQ1 là chị gái của ông J đã ký Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba số 01/2017/9996831/HĐBĐ ngày 20/7/2017 đồng ý dùng toàn bộ tài sản của mình là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 132 + 135 tờ bản đồ số 06 tại địa chỉ: Số 6P3A T1 G, phường H, quận I, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BA 948182, số vào sổ cấp GCN: CH 00026 do UBND quận I cấp ngày 31/3/2011 cho chủ sở hữu là bà NLQ1 (độc thân) để đảm bảo cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Công ty TP đối với Ngân hàng DN phát sinh từ tất cả các Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên, Ngân hàng DN đã giải ngân và Công ty TP (đại diện là ông J) đã nhận đủ số tiền vay là 9.205.000.000đồng theo các giấy đề nghị giải ngân kèm Hợp đồng tín dụng cụ thể. Tuy nhiên Công ty TP đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng kể từ ngày 25/01/2019 nên khoản vay của Công ty TP đã bị chuyển nợ quá hạn. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, Công ty TP còn nợ Ngân hàng DN tổng số tiền là 7.194.876.522đồng (trong đó: số tiền nợ gốc 5.375.000.000đồng; nợ lãi trong hạn 123.293.834đồng; nợ lãi quá hạn 1.667.633.734đồng; Phạt chậm trả lãi 28.948.954đồng). Ngân hàng DN đã nhiều lần liên hệ, trao đổi, làm việc, đôn đốc để Công ty TP trả nợ cho Ngân hàng nhưng Công ty TP vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do Công ty TP đã vi phạm thỏa thuận nên Ngân hàng DN khởi kiện yêu cầu Tòa án:

1. Buộc Công ty Minh Phúc phải trả nợ cho Ngân hàng DN số tiền còn nợ tính đến ngày 11/6/2021 là 7.194.876.522đồng (trong đó: số tiền nợ gốc 5.375.000.000đồng; nợ lãi trong hạn 123.293.834đồng; nợ lãi quá hạn 1.667.633.734đồng; phạt chậm trả lãi 28.948.954đồng). Buộc Công ty Minh Phúc phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng DN số tiền nợ lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2018/1672747/HĐTD ngày 25 tháng 9 năm 2018 và các giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể đính kèm kể từ ngày 12/6/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Trường hợp Công ty Minh Phúc không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng DN có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền thực hiện kê biên, phát mại tài sản bảo đảm bao gồm:

- 2.1 Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 132 + 135 tờ bản đồ số 06 tại địa chỉ: Số 6P3A T1 G, phường H, quận I, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BA 948182, số vào sổ cấp GCN: CH 00026 do UBND quận I cấp ngày 31/3/2011 cho chủ sở hữu là bà NLQ1 (độc thân). (theo Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba số 01/2017/9996831/HĐBĐ ngày 20/7/2017).

2.2 Xe ô tô 7 chỗ hiệu TOYOTA FORTUNER, BKS: 15A-160.69, số khung: 59G199002930; số máy 2TR6818936 theo đăng ký xe ô tô số 007451 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 24/12/2014 cho Công ty Minh Phúc. (theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/1672747/HĐBĐ ngày 22/9/2015).

2.3 Xe ô tô Sitec hiệu DONGFENG, BKS: 15C-16651, số khung: K4X781083273, số máy: 602069916831, theo đăng ký xe ô tô số 019032 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 20/8/2015 cho Công ty Minh Phúc. (theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/1672747/HĐBĐ ngày 22/9/2015).

Trường hợp số tiền thu được từ phát mại tài sản bảo đảm không đủ để Ngân hàng thu hồi nợ, yêu cầu Công ty Minh Phúc vẫn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi tất toán toàn bộ các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2018/1672747/HĐTD ngày 25 tháng 9 năm 2018 và các giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể đính kèm được ký giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn TP với Ngân hàng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông J trình bày: Việc Công ty TP và Ngân hàng DN ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2018/1672747/HĐTD ngày 25 tháng 9 năm 2018 và các giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể đính kèm là hoàn toàn tự nguyện và ông đã nhận đủ số tiền 9.205.000.000 đồng theo các giấy đề nghị giải ngân kèm Hợp đồng tín dụng cụ thể. Để bảo đảm cho khoản vay ông đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/1672747/HĐBĐ ngày 22/9/2015 với nội dung đồng ý dùng toàn bộ tài sản thế chấp để đảm bảo cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Công ty TP bao gồm nhưng không giới hạn nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản tiền bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty TP đối với DN phát sinh từ Hợp đồng tín dụng nêu trên. Ngoài ra để đảm bảo cho khoản vay trên, ông có nhờ bà NLQ1 là chị gái đứng ra ký Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba số 01/2017/9996831/HĐBĐ ngày 20/7/2017 để thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 132 + 135 tờ bản đồ số 06 tại địa chỉ: Số 6P3A T1 G, phường H, quận I, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BA 948182, số vào sổ cấp GCN: CH 00026 do UBND quận I cấp ngày 31/3/2011 cho chủ sở hữu là bà NLQ1 (độc thân) để đảm bảo cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Công ty TP đối với Ngân hàng phát sinh từ tất cả các Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng do làm ăn kinh tế khó khăn, thua lỗ nên Công ty TP đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng DN theo hợp đồng tín dụng đã ký. Nay Ngân hàng khởi kiện đối với Công ty TP, quan điểm của ông khi nào có điều kiện sẽ trả nợ cho Ngân hàng và xin Ngân hàng thêm thời gian để thu xếp

nguồn tiền. Trường hợp không thể trả nợ cho Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà NLQ1 trình bày:

Bà có Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 132 + 135 tờ bản đồ số 06 tại địa chỉ: Số 6P3A T1 G, phường H, quận I, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BA 948182, số vào sổ cấp GCN: CH 00026 do UBND quận I cấp ngày 31/3/2011. Để giúp em trai là J có tiền làm ăn nên bà đã ký vào Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba số 01/2017/9996831/HĐBĐ ngày 20/7/2017 thế chấp toàn bộ nhà đất của bà để đảm bảo khoản vay của Công ty TP tại Ngân hàng DN. Nay Ngân hàng khởi kiện và có yêu cầu phát mại đối với tài sản nhà đất của bà đã thế chấp thì quan điểm của bà đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho bà thêm thời gian để bà bán nhà, trả nợ Ngân hàng để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà về.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà NLQ2 trình bày:

Bà thuê gian nhà ngoài mặt đường N tại địa chỉ: Số 6P3A T1 G, phường H, quận I của bà NLQ1 từ tháng 7 năm 2020, thời hạn thuê 5 năm, giá thuê 4.000.000đồng/tháng. Bà đã trả trước cho bà NLQ1 tiền thuê nhà 3 năm là 144.000.000đồng. Sau khi thuê nhà của bà NLQ1, bà không coi nói, xây mới gì thêm nhưng có đầu tư vào gian nhà này lát nền giả gỗ, làm lại hệ thống điện, sàn gỗ tầng lửng, biển quảng cáo hết tổng số tiền 80.000.000đồng. Nay Ngân hàng có yêu cầu phát mại tài sản nhà đất của bà NLQ1 trong đó có gian nhà ngoài mặt đường bà đang thuê của bà NLQ1 thì quan điểm của bà là không tranh chấp gì với bà NLQ1. Bà và bà NLQ1 sẽ tự thỏa thuận với nhau về số tiền thuê nhà bà đã trả trước cũng như số tiền bà bỏ ra đầu tư vào gian nhà. Nếu sau này bà và bà NLQ1 không thỏa thuận được, bà sẽ khởi kiện một vụ án dân sự khác sau. Trường hợp Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thực hiện việc kê biên, phát mại tài sản thì bà sẽ tự nguyện bàn giao gian nhà hiện nay đang thuê của bà NLQ1 cho Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Trường hợp bị đơn có thiện chí hòa giải Ngân hàng sẽ cho bị đơn khoảng thời gian 03 tháng kể từ ngày 13/6/2021 để bị đơn tìm nguồn tiền trả nợ. Chậm nhất đến ngày 13/9/2021 bị đơn không trả được toàn bộ khoản nợ thì thỏa thuận giữa hai bên không còn hiệu lực, Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền thực hiện việc kê biên, phát mại tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp đã ký giữa Ngân hàng và Công ty TP.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn đề nghị Ngân hàng cho thêm thời gian để thu xếp tiền trả nợ, nếu Ngân hàng đồng ý thì vào khoảng ngày 13/6/2021 bị

đơn sẽ trả trước cho Ngân hàng số tiền 2.200.000.000đồng, số tiền nợ còn lại đề nghị Ngân hàng cho bị đơn thời gian 12 tháng để bị đơn thu xếp nguồn tiền trả nợ, còn thời gian ba tháng là quá ngắn, bị đơn không thể trả được hết toàn bộ số nợ còn lại cho Ngân hàng. Trường hợp Ngân hàng không chấp nhận thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu phát mại tài sản thế chấp của Ngân hàng thì bị đơn cũng nhất trí, không có ý kiến gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà NLQ1 trình bày:

Gia đình bà đã lập Biên bản họp gia đình thống nhất bán toàn bộ nhà đất tại số 6 N, phường H, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng trong đó có phần nhà đất của bà đã thế chấp cho Ngân hàng DN để bảo đảm khoản vay cho Công ty TP. Số tiền bán được sẽ chia cho ông J khoảng 2.200.000.000đồng để ông J trả nợ cho Ngân hàng. Số tiền còn lại chia cho các anh chị em để đi tìm chỗ ở mới. Đối với số nợ còn lại ông J phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng. Việc Ngân hàng yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là nhà đất của bà thì quan điểm của bà là bà không được sử dụng khoản tiền ông J đã vay của Ngân hàng, do tình cảm gia đình nên bà đứng ra ký hợp đồng thế chấp cho Công ty TP vay tiền để làm ăn, nay Ngân hàng có yêu cầu phát mại tài sản nhà đất của bà đã thế chấp thì bà cũng đồng ý nhưng ông J phải có trách nhiệm lo chỗ ở mới cho bà.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa và lời khai của đương sự đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; Điều 342, 343, 355 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 117, 280, 317, 318, 320, 321, 322, 323, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 91, 95, 98 của Luật các tổ chức Tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc Công ty TP phải thanh toán khoản nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (11/6/2021) cho DN tổng số tiền là 7.194.876.522đồng (trong đó: số tiền nợ gốc 5.375.000.000đồng; nợ lãi trong hạn 123.293.834đồng; nợ lãi quá hạn 1.667.633.734đồng; phạt chậm trả lãi 28.948.954đồng) và phải tiếp tục trả tiền nợ lãi, phạt chậm trả phát sinh kể từ ngày 12/6/2021 theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2018/1672747/HĐTD ngày 25 tháng 9 năm 2018 và các giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể đính kèm cho đến khi thanh toán

xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp Công ty TP không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho DN thì DN có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản đã thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng được ký giữa Ngân hàng với Công ty có đăng ký kinh doanh và có mục đích lợi nhuận theo quy định tại khoản 1 Điều 30 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có trụ sở tại: Số 2/6 G, phường H, quận I, thành phố Hải Phòng nên theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, Hải Phòng.

- Về nội dung vụ án:

[2] Xét yêu cầu của Ngân hàng DN yêu cầu bị đơn là Công ty TP phải trả số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa đã xác định được: Giữa Ngân hàng DN và Công ty TP có quan hệ hợp đồng tín dụng. Theo đó DN đã ký với Công ty TP Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2018/1672747/HĐTD ngày 25 tháng 9 năm 2018 và các giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể đính kèm. Ngân hàng đã giải ngân đầy đủ và đúng hạn cho bên vay nhưng sau đó bên vay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và không thanh toán đầy đủ các khoản nợ từ thời điểm 25/01/2019 cho đến nay. Ngân hàng đã đôn đốc trả nợ nhiều lần nhưng không có kết quả. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, Công ty TP còn nợ Ngân hàng số tiền là 7.194.876.522đồng (trong đó: số tiền nợ gốc 5.375.000.000đồng; nợ lãi trong hạn 123.293.834đồng; nợ lãi quá hạn 1.667.633.734đồng; phạt chậm trả lãi 28.948.954đồng).

Xét Hợp đồng tín dụng được ký giữa người đại diện theo pháp luật của Công ty TP và đại diện của Ngân hàng có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật. Các bên tham gia ký kết Hợp đồng đều có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, nội dung và mục đích để thực hiện nhu cầu của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hợp đồng tín dụng có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định trong Hợp đồng. Quá trình thực hiện Hợp đồng, Ngân hàng đã

thực hiện việc giải ngân, như vậy Ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình trong Hợp đồng, người đại diện theo pháp luật của Công ty TP đã nhận đủ số tiền vay theo các giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể đính kèm, đồng thời thừa nhận vi phạm nghĩa vụ trả nợ và không có ý kiến gì về việc Ngân hàng đưa ra số nợ gốc cũng như nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi. Như vậy có đủ cơ sở kết luận bị đơn đã vi phạm các điều khoản cam kết trong Hợp đồng tín dụng, chậm thanh toán các khoản nợ đến hạn nên việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty TP phải thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong khoản nợ là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu phát mại tài sản của Ngân hàng để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/1672747/HĐBĐ ngày 22/9/2015 thấy:

Để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng DN, ông J là người đại diện theo pháp luật của Công ty TP đã ký với Ngân hàng DN Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/1672747/HĐBĐ ngày 22/9/2015 với nội dung đồng ý dùng toàn bộ tài sản thế chấp để đảm bảo cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Công ty TP bao gồm nhưng không giới hạn nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản tiền bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty TP đối với DN phát sinh từ Hợp đồng tín dụng nêu trên. Xét Hợp đồng thế chấp tài sản được ký giữa người đại diện theo pháp luật của Công ty TP với đại diện Ngân hàng có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, được chứng thực của Phòng Công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm phù hợp với quy định tại các Điều 342, 343, 355 của Bộ luật Dân sự 2005; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm nên phát sinh hiệu lực, vì vậy yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là xe ô tô 7 chỗ hiệu TOYOTA FORTUNER, BKS: 15A-160.69 và xe ô tô Sitec hiệu DONGFENG, BKS: 15C-16651 của Ngân hàng là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu phát mại tài sản của Ngân hàng để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba số 01/2017/9996831/HĐBĐ ngày 20/7/2017 thấy:

Để đảm bảo cho khoản vay của Công ty TP tại Ngân hàng, bà NLQ1 là chị gái của ông J đã ký với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba số 01/2017/9996831/HĐBĐ ngày 20/7/2017 với nội dung thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (của bên thứ ba) là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 132 + 135 tờ bản đồ số 06 tại địa chỉ: Số 6P3A T1 G, phường H, quận I, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BA 948182, số vào sổ cấp GCN: CH 00026 do UBND quận I cấp ngày 31/3/2011 cho bà NLQ1 (độc thân) đồng thời đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký

đất đai quận Hồng Bàng theo đúng quy định của pháp luật. Xét Hợp đồng thế chấp tài sản được ký giữa bà NLQ1 là chủ tài sản với đại diện Ngân hàng có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, được chứng thực của Phòng Công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm phù hợp với quy định tại các Điều 298, 317, 500 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm nên phát sinh hiệu lực, mặc dù quá trình giải quyết vụ án bà NLQ1 trình bày vì tình cảm chị em nên bà đã ký vào Hợp đồng thế chấp để cho ông J là giám đốc Công ty TP vay tiền Ngân hàng làm ăn và bà không được sử dụng số tiền đã vay tuy nhiên điều đó chứng minh việc bà NLQ1 ký vào Hợp đồng thế chấp là tự nguyện, không bị ai ép buộc, bà NLQ1 là người có đầy đủ năng lực hành vi và khả năng nhận thức khi ký Hợp đồng. Tại phiên tòa bà NLQ1 đồng ý yêu cầu phát mại tài sản của Ngân hàng. Do đó yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đối với gian nhà ngoài mặt đường N tại địa chỉ: Số 6P3A T1 G, phường H, quận I của bà NLQ1 đang cho bà NLQ2 thuê thì trong quá trình giải quyết vụ án bà Hồng có ý kiến trong trường hợp Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thực hiện việc kê biên, phát mại tài sản theo yêu cầu của Ngân hàng thì bà sẽ tự nguyện bàn giao gian nhà hiện nay đang thuê của bà NLQ1 cho Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền. Bà và bà NLQ1 sẽ tự thỏa thuận với nhau về số tiền thuê nhà bà đã trả trước cũng như số tiền bà bỏ ra đầu tư vào gian nhà. Nếu sau này bà và bà NLQ1 không tự thỏa thuận được, bà sẽ khởi kiện một vụ án dân sự khác sau. Xét đề nghị của bà NLQ2 là phù hợp với quy định của pháp luật và bà NLQ1 cũng không có ý kiến gì đối với đề nghị của bà Hồng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 342, 343, 355 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 117, 280, 317, 318, 320, 321, 322, 323, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 91, 95, 98 của Luật các tổ chức Tín dụng;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam (DN):

1.1 Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn TP có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần DN số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (11/6/2021) là 7.194.876.522đồng (trong đó: số tiền nợ gốc 5.375.000.000đồng; nợ lãi trong hạn 123.293.834đồng; nợ lãi quá hạn 1.667.633.734đồng; phạt chậm trả lãi 28.948.954đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty TP còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2018/1672747/HĐTD ngày 25 tháng 9 năm 2018 và các giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể đính kèm được ký kết giữa Ngân hàng DN với Công ty TP cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.2 Trong trường hợp Công ty TP không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng DN thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền thực hiện kê biên, phát mại tài sản bảo đảm bao gồm:

1.2.1 Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 132 + 135 tờ bản đồ số 06 tại địa chỉ: Số 6P3A T1 G, phường H, quận I, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BA 948182 , số vào sổ cấp GCN: CH 00026 do UBND quận I cấp ngày 31/3/2011 cho chủ sở hữu là bà NLQ1 (độc thân). (theo Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba số 01/2017/9996831/HĐBĐ ngày 20/7/2017).

1.2.2 Xe ô tô 7 chỗ hiệu TOYOTA FORTUNER, BKS: 15A-160.69, số khung: 59G199002930; số máy 2TR6818936 theo đăng ký xe oto số 007451 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 24/12/2014 cho Công ty Minh Phúc. (theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/1672747/HĐBĐ ngày 22/9/2015).

1.2.3 Xe ô tô Sitec hiệu DONGFENG, BKS: 15C-16651, số khung: K4X781083273, số máy: 602069916831, theo đăng ký xe ô tô số 019032 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 20/8/2015 cho Công

ty Minh Phúc. (theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/1672747/HĐBĐ ngày 22/9/2015).

Nếu sau khi xử lý tài sản thế chấp, số tiền thu được dùng để trả nợ cho Ngân hàng mà còn thừa thì trả lại cho bà NLQ1, Công ty TP. Trường hợp số tiền thu được từ phát mại tài sản bảo đảm không đủ để Ngân hàng thu hồi nợ thì Công ty Minh Phúc vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi tất toán toàn bộ các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2018/1672747/HĐTD ngày 25 tháng 9 năm 2018 và các giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể đính kèm.

2. Bà NLQ2 phải có trách nhiệm bàn giao lại gian nhà đang thuê của bà NLQ1 tại thửa đất số 132 + 135 tờ bản đồ số 06 tại địa chỉ: Số 6P3A T1 G, phường H, quận I, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BA 948182, số vào sổ cấp GCN: CH 00026 do UBND quận I cấp ngày 31/3/2011 cho bà NLQ1 (độc thân) cho Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền khi thực hiện việc kê biên, phát mại tài sản theo yêu cầu của Ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty TP.

3. Về án phí sơ thẩm: Buộc Công ty TP phải nộp 115.194.877 đồng (Một trăm mười lăm triệu một trăm chín mươi tư nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng DN số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 57.382.750 đồng (Năm mươi bảy triệu ba trăm tám mươi hai nghìn bảy trăm năm mươi đồng) (theo biên lai thu tiền số 0010105 ngày 23 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà NLQ1 có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà NLQ2 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TANDTP. Hải Phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSNDTP Hải Phòng
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Minh Phương